
ẢNH HƯỞNG CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐẾN CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Hà Hồng Hạnh

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hanhhh@neu.edu.vn

Mã bài báo: JED-1094

Ngày nhận: 28/01/2023

Ngày nhận bản sửa: 04/02/2023

Ngày duyệt đăng: 20/02/2023

Tóm tắt:

Mục tiêu của bài viết tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của quản trị công ty tới chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn phục hồi hậu đại dịch COVID-19. Dựa trên tổng quan nghiên cứu, quản trị công ty được đo lường dựa trên các đặc tính của hội đồng quản trị như quy mô hội đồng quản trị, thành viên độc lập và thành viên điều hành trong hội đồng quản trị; và chất lượng báo cáo tài chính được đo lường bằng phương pháp quản trị lợi nhuận thực tế (Real earning management - REM) để ước lượng mức dòng tiền bất thường từ các hoạt động. Kết quả nghiên cứu từ mô hình hồi quy với dữ liệu là 1622 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2021 và 2022 cho thấy, số lượng thành viên độc lập và thành viên điều hành trong hội đồng quản trị có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính trong khi đó quy mô hội đồng quản trị không có ý nghĩa nghiên cứu thống kê. Từ kết quả nghiên cứu này, một số ý kiến thảo luận được đưa ra như hoàn thiện các quy định pháp lý về việc tổ chức hội đồng quản trị nhằm tăng cường chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Từ khóa: Quản trị công ty, chất lượng báo cáo tài chính, công ty niêm yết, Việt Nam.

Mã JEL: G3, M4.

The impact of corporate governance on financial reports quality of listed firms on Vietnam Stock Exchange

Abstract:

The paper focuses on the association between corporate governance and financial reports quality, which are considered as core issues of listed firms, especially during the period of COVID-19. Based on the literature review, corporate governance is measured by the Board of Directors' (BODs) characteristics namely Size of the Board, Independence Directors and Executive Directors while the financial reports quality is measured by Real Earning Management (REM) method to estimate the abnormal level of cash flow. The results show that the number of independent directors and executive directors in the BODs has an impact on the quality of financial reports. The size of the BODs has no statistical significance. Some discussions are given in order to enhance the quality of financial reports of Vietnamese listed firms.

Keywords: Corporate governance, financial reports quality, listed firms, Vietnam.

JEL Codes: G3, M4.

1. Giới thiệu

Theo Yeh & cộng sự (2014), Eng & cộng sự (2019), chất lượng báo cáo tài chính là yếu tố cơ bản để duy trì tính hiệu quả của thị trường tài chính, đặc biệt khi nhà đầu tư, tổ chức tín dụng, cơ quan Nhà nước dựa vào thông tin báo cáo tài chính để đưa ra các quyết định. Đối với nền kinh tế đang chuyển đổi như Việt Nam, việc duy trì chất lượng báo cáo tài chính là cần thiết để giữ vững sự ổn định của thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng (Nguyễn Thị Ngọc Trang & Bùi Kim Phương, 2018; Lê Văn Thứ & Trần Ái Kết, 2022; Nguyễn Thị Cẩm Vân, 2022). Tính đến tám tháng đầu năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam đã chứng kiến sự suy giảm giá trị giao dịch và các sai phạm pháp lý nghiêm trọng liên quan đến các tập đoàn, công ty lớn như tập đoàn FLC, tập đoàn Tân Hoàng Minh... đã thao túng thị trường bằng thông tin sai lệch trên báo cáo tài chính. Chính vì vậy, yêu cầu thực tiễn cấp thiết của xã hội và các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán là cần phải đánh giá chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường trong bối cảnh cơ quan Nhà nước và Chính phủ Việt Nam chưa ban hành những quy định chi tiết để đánh giá chất lượng báo cáo tài chính.

Các nghiên cứu học thuật đã xem xét và phát hiện nhiều yếu tố khác nhau có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính như chất lượng kiểm toán (Baatwah & cộng sự, 2021, 2015; Ika & cộng sự, 2021; Kamal, 2021), mức độ công bố thông tin (Soobaroyen & cộng sự, 2022; Lemos & cộng sự, 2021) và quản trị công ty (Hasudungan & Bhinekawati, 2022; Latif & cộng sự 2022; Handayati, 2020). Mặc dù nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính, các nhà nghiên cứu đều khẳng định lý do cơ bản một công ty mong muốn gia tăng chất lượng báo cáo tài chính là để giảm thiểu hiện tượng bất cân xứng về thông tin (information asymmetry) xuất hiện giữa các bên liên quan và nhà quản lý, đặc biệt trong trường hợp các công ty niêm yết. Chính vì vậy, nhiều nghiên cứu trong tổng quan lý thuyết cho rằng quản trị công ty sẽ là công cụ hữu hiệu nhất để giải quyết hiện tượng này (Jebran & Chen, 2021). Hơn nữa tác động của hoạt động kiểm toán và mức độ công bố thông tin có gia tăng chất lượng báo cáo tài chính và giảm thiểu sự bất cân xứng thông tin nhưng sẽ phát sinh chi phí lớn. Ngoài ra quản trị công ty cũng có tác dụng bền vững hơn khi hoạt động này giúp củng cố thêm thực chất hoạt động nội tại của một đơn vị. Chính vì những lý do trên và xuất phát từ những vấn đề thực tiễn và học thuật, mục tiêu của nghiên cứu này là tìm hiểu sự ảnh hưởng của quản trị công ty tới chất lượng báo cáo tài chính như đã được khẳng định trong tổng quan nghiên cứu và đặt trong bối cảnh các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Hiện nay, rất ít các nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa quản trị công ty và chất lượng báo cáo tài chính, đặc biệt là khoảng thời gian hậu đại dịch COVID-19. Một số các nghiên cứu gần đây tại các quốc gia phát triển như Ding & cộng sự (2021), Hsu & Liao (2021) khẳng định quy mô và tính độc lập của hội đồng quản trị có ảnh hưởng đến giá trị cổ phiếu của các công ty niêm yết tại Anh. Các nghiên cứu này dựa trên lý thuyết đại diện để giải thích rằng nếu như hội đồng quản trị có tính độc lập cao, số lượng thành viên nhiều và các giám đốc không điều hành có chuyên môn về kế toán tài chính thì chức năng giám sát của hội đồng sẽ tốt hơn, có khả năng tư vấn cho công ty nhiều hơn, đặc biệt trong các giao dịch kế toán và tài chính phức tạp. Do đó, giúp giảm thiểu hiện tượng thông tin bất cân xứng và đảm bảo chất lượng báo cáo tài chính tốt hơn.

Một số các nghiên cứu khác cũng khẳng định sự ảnh hưởng của quản trị công ty tới chất lượng báo cáo tài chính nhưng mức độ ảnh hưởng của các đặc tính của quản trị công ty là khác nhau. Nghiên cứu của Alves (2014), Lu & Boateng (2018) cho thấy thành viên hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ quản lý sẽ giúp tăng cường chất lượng báo cáo tài chính. Ngược lại, nghiên cứu của Elsayed (2007) và Guest (2009) dựa trên lý thuyết nhà quản lý lại cho rằng, thành viên của hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý trong công ty sẽ giúp cho việc triển khai các kế hoạch nhanh hơn, gia tăng hiệu quả hoạt động và tránh xảy ra hiện tượng quản trị lợi nhuận. Tổng quan nghiên cứu cho thấy, các đặc tính của quản trị công ty được đặc trưng bởi nhiều khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, trong nội dung phạm vi nghiên cứu của bài viết này, tác giả phân tích các đặc điểm của hội đồng quản trị để đặc trưng cho quản trị công ty.

Trong bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam - một nền kinh tế đang phát triển và dễ dàng chịu tổn thương bởi các tác động tiêu cực, các nghiên cứu về chất lượng báo cáo tài chính tại Việt Nam giai đoạn hậu đại dịch COVID-19 cũng rất hạn chế. Nghiên cứu của tác giả Phạm Quốc Thuận (2019) sử dụng dữ liệu sơ cấp từ bảng câu hỏi cho thấy thông tin trên báo cáo tài chính của các công ty tại Việt Nam thiếu tính “phù hợp” giai đoạn sau đại dịch và quản trị công ty sẽ giúp giảm thiểu vấn đề này. Tuy nhiên, nghiên cứu này sử dụng dữ

liệu sơ cấp từ bảng hỏi để đo lường chất lượng báo cáo tài chính sẽ có nhiều hạn chế, do đó nghiên cứu này tập trung vào thu thập dữ liệu thứ cấp trên báo cáo tài chính để đo lường chất lượng báo cáo tài chính với số lượng mẫu lớn hơn.

Để đo lường chất lượng báo cáo tài chính, tổng quan nghiên cứu cho thấy có hai phương pháp để đo lường: đó là dựa trên cơ sở dồn tích (accrual-based) và quản trị lợi nhuận thực tế (real earnings management - REM). Trong bài nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp REM để đo lường chất lượng báo cáo tài chính vì quản trị lợi nhuận thực tế có ảnh hưởng đáng kể đến giá trị dài hạn của doanh nghiệp (Eng & cộng sự, 2019). Phương pháp REM đo lường chất lượng báo cáo tài chính thông qua việc quản trị lợi nhuận trực tiếp thông qua dòng tiền với hai chỉ tiêu chi phí hoạt động (bao gồm các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí quảng cáo...) và chi phí giá vốn hàng bán.

Như vậy, tổng quan nghiên cứu vấn đề này đều tập trung vào việc đo lường các đặc tính của hội đồng quản trị đại diện cho quản trị công ty. Theo đó, hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính trong việc thiết lập và duy trì kiểm soát nội bộ trong một đơn vị (COSO, 2013) là yếu tố cốt lõi của quản trị công ty. Phạm vi của bài viết sẽ tập trung nghiên cứu và xem xét ba đặc tính cơ bản thể hiện cấu trúc của hội đồng quản trị, đại diện cho quản trị công ty, bao gồm: quy mô hội đồng quản trị, tính độc lập của hội đồng quản trị và thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính. Theo Erkens & cộng sự (2012), tính độc lập của hội đồng quản trị thể hiện sự giám sát hiệu quả do độc lập với hoạt động quản lý và sẽ mang lại nhiều lợi ích như giúp đơn vị ra quyết định tốt hơn và giảm nguy cơ phá sản. Quy mô của hội đồng quản trị càng lớn sẽ giúp cho hội đồng đưa ra các ý kiến tư vấn có tính phản biện cao và đa dạng (Boone & cộng sự, 2007). Tuy nhiên, theo Duru & cộng sự (2016), Lu & Boateng (2018), nếu số lượng thành viên hội đồng quản trị giữ vị trí quản lý tăng lên sẽ mang lại lợi ích cũng như hạn chế cho kết quả hoạt động và giá trị của doanh nghiệp. Dựa trên thuyết đại diện, tác giả đưa ra giả thuyết tính độc lập, quy mô và thành viên kiêm nhiệm vị trí quản lý trong hội đồng quản trị sẽ làm gia tăng chất lượng báo cáo tài chính. Các giả thuyết nghiên cứu cụ thể như sau:

H1: Tính độc lập của hội đồng quản trị càng lớn thì càng làm gia tăng chất lượng báo cáo tài chính.

H2: Quy mô của hội đồng quản trị càng lớn thì càng làm gia tăng chất lượng báo cáo tài chính.

H3: Thành viên kiêm nhiệm vị trí quản lý trong hội đồng quản trị càng nhiều càng làm gia tăng chất lượng báo cáo tài chính.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này là dữ liệu thứ cấp trên báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam bao gồm sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội trong giai đoạn 2021-2022. Trong số 1900 công ty niêm yết, nghiên cứu loại bỏ 128 công ty tài chính do các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính không phù hợp với mô hình nghiên cứu. Ngoài ra có 150 công ty không có đầy đủ các dữ liệu liên quan đến báo cáo tài chính để sử dụng cho phân tích.

Bảng 1: Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu	Tổng
Tổng số công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán giai đoạn (2021-2022)	1900
- Các công ty tài chính	(128)
- Các công ty không có dữ liệu	(150)
Tổng số công ty trong nghiên cứu	1622

3.2. Các biến nghiên cứu

3.2.1. Quản trị công ty

Dựa trên các nghiên cứu của Guest (2009), Hsu & Liao (2021), trong tổng quan lý thuyết, biến quản trị công ty CORGOV được đo lường thông qua các biến thành phần (Bảng 2).

3.2.2. Chất lượng báo cáo tài chính

Để đo lường chất lượng báo cáo tài chính, bài viết sử dụng phương pháp quản trị lợi nhuận thực tế (REM)

Bảng 2: Đo lường biến quản trị công ty

Tên biến	Ký hiệu	Đo lường
Quản trị công ty	CORGOV	Đo lường bằng các biến INDB, BDSIZE và CEOD
Tính độc lập của hội đồng quản trị	INDB	Logarit tự nhiên số lượng giám đốc không điều hành trong hội đồng quản trị
Quy mô của hội đồng quản trị	BDSIZE	Logarit tự nhiên số lượng thành viên hội đồng quản trị
Thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý	CEOD	Logarit tự nhiên số lượng thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý

thông qua các mô hình ước tính để ước lượng mức dòng tiền bất thường từ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động và chi phí giá vốn hàng bán. Mức dòng tiền bất thường sẽ được ước lượng sau khi loại trừ mức dòng tiền thông thường khỏi mức dòng tiền thực tế (Cohen & Zarowin, 2010; Cheng & cộng sự, 2016) (Bảng 3).

Bảng 3: Đo lường biến chất lượng báo cáo tài chính

Tên biến	Ký hiệu	Đo lường
Chất lượng báo cáo tài chính	RM	Mức dòng tiền bất thường
Dòng tiền thông thường từ hoạt động sản xuất kinh doanh	CFO	Công thức (1)
Tổng các chi phí hoạt động thông thường	DISX	Tổng các chi phí hoạt động bao gồm: chi phí quảng cáo, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp... Công thức (2)
Chi phí giá vốn hàng bán thông thường	PROD	Công thức (3)
Dòng tiền bất thường từ hoạt động sản xuất kinh doanh	AB_CFO	Dòng tiền thực tế - dòng tiền thông thường
Tổng các chi phí hoạt động bất thường	AB_DISX	Tổng chi phí thực tế - tổng chi phí thông thường
Chi phí giá vốn hàng bán bất thường	AB_PROD	Chi phí thực tế - chi phí thông thường

Theo đó mức dòng tiền thông thường được ước lượng dựa trên các công thức sau:

$$CFO_{it}/Asset_{it-1} = \alpha_1(1/Asset_{it-1}) + \alpha_2(SALE_{it}/Asset_{it-1}) + \alpha_3(\Delta SALE_{it}/Asset_{it-1}) + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

$$DISX_{it}/Asset_{it-1} = \alpha_1(1/Asset_{it-1}) + \alpha_2(SALE_{it}/Asset_{it-1}) + \alpha_3(\Delta SALE_{it}/Asset_{it-1}) + \varepsilon_{it} \quad (2)$$

$$PROD_{it}/Asset_{it-1} = \alpha_1(1/Asset_{it-1}) + \alpha_2(SALE_{it}/Asset_{it-1}) + \alpha_3(\Delta SALE_{it}/Asset_{it-1}) + \alpha_4(\Delta SALE_{it-1}/Asset_{it-1}) + \varepsilon_{it} \quad (3)$$

Từ đó chất lượng báo cáo tài chính được đo lường theo các công thức như sau:

$$RM1 = AB_CFO*(-1) + AB_DISX*(-1) \quad (4)$$

$$RM2 = AB_DISX*(-1) + AB_PROD \quad (5)$$

Cụ thể RM1 đo lường mức dòng tiền bất thường từ hoạt động sản xuất kinh doanh và mức dòng tiền bất thường từ các chi phí hoạt động như chi phí quảng cáo, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. RM1 đo lường mức dòng tiền bất thường từ chi phí giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động. Giá trị càng cao của RM1 và RM2 cho thấy mức độ càng cao của REM và do đó chất lượng báo cáo tài chính thấp.

3.2.3. Các biến kiểm soát

Để loại bỏ khả năng ảnh hưởng chi phối của những biến đặc thù của công ty đến mối quan hệ giữa quản trị công ty và chất lượng báo cáo tài chính, tác giả đã kiểm soát các biến đặc thù của công ty trong mô hình hồi quy. Các biến kiểm soát được xác định dựa trên các nghiên cứu trước (Alhadab & Clacher, 2018; Cheng & cộng sự, 2016; Katmon & Al Farooque, 2017) (Bảng 4).

3.3. Mô hình nghiên cứu

Bảng 4: Đo lường các biến kiểm soát

Tên biến	Ký hiệu	Đo lường
Quy mô công ty	SIZE	Logarit tự nhiên tổng tài sản
Hệ số đòn bẩy tài chính	LEV	Tỷ lệ tổng nợ trên tổng tài sản
Lợi nhuận trên tổng tài sản	ROA	Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản
Tỷ lệ tăng trưởng	GROWTH	Tỷ lệ thay đổi trong doanh thu thuần
Lợi nhuận thuần	LOSS	Nhận giá trị = 1 nếu lợi nhuận trong năm lỗ Nhận giá trị = 0 nếu lợi nhuận trong năm lãi
Công ty kiểm toán	BIG4	Nhận giá trị = 1 nếu công ty kiểm toán thuộc BIG4 Nhận giá trị = 0 nếu công ty kiểm toán không thuộc BIG4

Dựa trên tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu, các biến nghiên cứu được xác định dựa trên nghiên cứu trước (Alhadab & Clacher, 2018; Cheng & cộng sự, 2016; Katmon & Al Farooque, 2017). Tác giả thực hiện phân tích để xem xét ảnh hưởng của quản trị công ty với chất lượng báo cáo tài chính dựa trên mô hình hồi quy với dữ liệu bảng như sau:

$$RM_{it} = \alpha_0 + \alpha_1 CORGOV_{it} + \beta Controls_{it} + \varepsilon_{it} \quad (6)$$

Trong đó:

RM: Chất lượng báo cáo tài chính có giá trị RM1 hoặc RM2

CORGOV: Biến quản trị công ty bao gồm INDB, BDSIZE và CEOD

Controls: Các biến kiểm soát bao gồm SIZE, LEV, ROA, GROWTH, LOSS, BIG4

i: Công ty niêm yết

t: năm nghiên cứu

ε_{it} : Sai số của đối tượng i tại thời điểm t

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả

Bảng 5: Thống kê mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Số mẫu chọn	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn	Tứ phân vị 1	Tứ phân vị 3
RM1	1622	-0,321	-0,312	1,127	-0,812	0,012
RM2	1622	-0,002	0,000	0,028	0,000	0,000
INDB	1622	25,769	0,000	0,456	0,000	1,000
BDSIZE	1622	2,87	1,656	0,479	1,659	2,189
CEOD	1622	1,34	0,023	2,134	5,102	6,276
SIZE	1622	12,930	12,198	0,176	1,102	5,549
LEV	1622	0,562	0,467	0,312	0,356	0,786
ROA	1622	0,028	0,061	0,145	-0,002	0,105
GROWTH	1622	0,065	0,000	0,376	-0,057	0,132
LOSS	1622	0,365	0,000	0,450	0,000	1,000
BIG4	1622	0,497	0,000	0,489	0,000	1,000

Nguồn: Tác giả phân tích.

Bảng 5 thống kê mô tả cho biết thông tin cơ bản của mẫu nghiên cứu. Cụ thể, trong đó tỷ lệ phần % trung bình của các giám đốc không điều hành trong hội đồng quản trị chiếm 25,7%, quy mô trung bình của hội đồng quản trị (số lượng thành viên hội đồng quản trị) là khoảng 3 thành viên và số lượng thành viên trung bình của hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý là 1 thành viên.

4.2. Ảnh hưởng của quản trị công ty đến chất lượng báo cáo tài chính

Kết quả nghiên cứu thể hiện ở bảng 6, 7 và 8 cho thấy ảnh hưởng của các đặc tính của quản trị công ty thể hiện qua tính độc lập của hội đồng quản trị, quy mô của hội đồng quản trị và số thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý sẽ có những ảnh hưởng khác nhau đến chất lượng báo cáo tài chính. Cụ thể, hệ số tương quan của biến “Tính độc lập của hội đồng quản trị” (INDB) có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1%

Bảng 6: Ảnh hưởng của tính độc lập hội đồng quản trị đến chất lượng báo cáo tài chính

	(1) RM1	(2) RM2
INDB	-0,002 (0,45)	-0,005 (1,82)
SIZE	0,075 (3,82)	0,001 (2,14)
LEV	-0,314 (-2,12)	-0,016 (-4,74)
ROA	-2,245 (-11,14)	-0,047 (-1,87)
GROWTH	-1,45 (-11,76)	-0,12 (-3,18)
LOSS	-1,232 (-10,47)	0,102 (0,47)
BIG4	-0,056 (-0,21)	-0,002 (-0,7)
Constant	-0,083	-0,011
Observations	1622	1622
Adjusted R ²	0,451	0,062

Nguồn: Tác giả phân tích.

Bảng 7: Ảnh hưởng của quy mô hội đồng quản trị đến chất lượng báo cáo tài chính

	(1) RM1	(2) RM2
BSIZE	0,032 (5,01)	0,005 (1,10)
SIZE	0,030 (1,95)	-0,000 (-0,00)
LEV	0,402 (-3,94)	-0,012 (-1,94)
ROA	-1,994 (-10,32)	0,001 (0,16)
GROWTH	-1,232 (-10,04)	-0,009 (-1,77)
LOSS	0,186 (3,34)	0,002 (1,48)
BIG4	0,021 (0,33)	0,001 (1,12)
Constant	-0,351	0,009
Observations	1622	1622
Adjusted R ²	0,478	0,061

Nguồn: Tác giả phân tích.

và có ảnh hưởng ngược chiều đến RM1 và RM2 cho thấy số lượng giám đốc không điều hành trong hội đồng quản trị càng nhiều thì chất lượng báo cáo tài chính sẽ càng tốt, vì khi đó mức dòng tiền bất thường thấp. Điều này có thể giải thích là do số lượng giám đốc không điều hành chiếm đa số sẽ đảm bảo tính độc lập cho hội đồng quản trị và vai trò giám sát của hội đồng quản trị đối với báo cáo tài chính và quá trình lập báo cáo tài chính sẽ được tăng cường. Các quy định pháp lý tại Việt Nam cũng tập trung vào vấn đề tính độc lập của hội đồng quản trị. Cụ thể, tại điều 276 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ cấu hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Theo đó, số lượng thành viên hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên

Bảng 8: Ảnh hưởng của thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý đến chất lượng báo cáo tài chính

	(1) RM1	(2) RM2
CEOD	0,001	0,000
SIZE	0,016 (0,90)	-0,000 (-0,82)
LEV	0,400 (-3,95)	-0,012 (-1,95)
ROA	1,987 (-10,22)	0,001 (0,16)
GROWTH	-1,232 (-10,03)	-0,009 (-1,76)
LOSS	0,187 (3,32)	0,002 (1,49)
BIG4	0,006 (0,09)	0,001 (0,99)
Constant	-0,181	0,010
Observations	1622	1622
Adjusted R ²	0,469	0,060

Nguồn: Tác giả phân tích.

độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. Với kết quả nghiên cứu cho thấy số lượng thành viên không điều hành trong hội đồng quản trị có ý nghĩa thống kê và ảnh hưởng tới chất lượng báo cáo tài chính như trên thì Chính phủ và các công ty niêm yết có thể đưa ra các quy định để tăng cường số lượng thành viên độc lập không điều hành trong hội đồng quản trị.

Biến quy mô của hội đồng quản trị (BSIZE), được đo lường bởi số lượng thành viên của hội đồng quản trị, không có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 1% đối với cả RM1 (0,032) và RM2 (0,005) cho thấy các công ty có hội đồng quản trị quy mô lớn hay nhỏ đều không có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính. Kết quả này khác với kết quả của nhiều nghiên cứu trước như Barako & cộng sự (2006), Albawwat (2022) cho thấy quy mô của hội đồng quản trị lớn sẽ có những thuận lợi cho công ty trong việc nâng cao chức năng quản trị như việc hỗ trợ tư vấn, giảm chuyên quyền của các nhà quản lý, giám sát được nhiều hơn các hoạt động của công ty. Thêm vào đó, công ty có quy mô hội đồng quản trị lớn sẽ có nhiều trách nhiệm hơn trong việc quản lý, giám sát và miễn nhiệm những ban điều hành kém hiệu quả, và từ đó sẽ có tác động cùng chiều với chất lượng báo cáo tài chính. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu về các đặc tính của quản trị công ty ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết tại Việt Nam cũng cho kết quả nghiên cứu tương tự khẳng định trong bối cảnh nghiên cứu của Việt Nam thì quy mô của hội đồng quản trị không có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính (Bùi Văn Dương & Ngô Hoàng Điệp, 2017; Nguyễn Thị Ngọc Trang & Bùi Kim Phương, 2018). Như vậy, mặc dù trong thực tế theo quy định tại điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020 thì số lượng hội đồng quản trị cần phải có từ 03 đến 11 thành viên nhưng điều này sẽ không có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính. Tuy nhiên, trong nghiên cứu cũng chưa tìm ra mối liên hệ trực tiếp giữa quy mô hội đồng quản trị (biến độc lập) và quy mô của doanh nghiệp (biến kiểm soát) và chất lượng báo cáo tài chính (biến phụ thuộc). Do đó, chưa đủ cơ sở để lý giải và kết luận rằng các doanh nghiệp lớn cần có hội đồng quản trị có quy mô lớn để tăng cường chất lượng báo cáo tài chính.

Bảng 8 cho thấy kết quả phân tích về mức độ ảnh hưởng của số lượng thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý đến chất lượng báo cáo tài chính. Theo đó, số lượng thành viên trong hội đồng quản trị giữ chức vụ quản lý có ý nghĩa thống kê tại mức 1% và ảnh hưởng thuận chiều đến biến phụ thuộc RM1 và RM2. Kết quả này cho thấy, nếu số lượng thành viên trong hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức vụ quản lý như giám đốc điều hành, giám đốc tài chính, kế toán trưởng... càng nhiều thì dòng tiền bất thường sẽ tăng lên. Điều này cũng đã được chỉ ra trong rất nhiều nghiên cứu trước đây như Elsayed (2007), Khatib & Nour (2021) giải thích lý thuyết người đại diện (agency theory) về nguy cơ xung đột giữa một bên là cổ đông với tư cách là người sở hữu và một bên là những người quản lý điều hành công ty với tư cách là người trực tiếp

quản lý sử dụng vốn. Vai trò hội đồng quản trị sẽ giảm thiểu việc xung đột lợi ích và hiện tượng thông tin bất cân xứng (asymmetric information) xảy ra giữa người chủ sở hữu và người đại diện bằng cách thay mặt chủ sở hữu thực hiện việc giám sát hoạt động của người đại diện. Số lượng thành viên hội đồng quản trị giữ vai trò quản lý dẫn đến khả năng ưu tiên quyền lợi cá nhân và quyền lợi nhóm, phá vỡ tính độc lập của hội đồng quản trị và suy giảm vai trò giám sát. Mặc dù nghiên cứu lý thuyết đã có bằng chứng kết luận về sự ảnh hưởng của số lượng thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm vị trí quản lý; nhưng trong thực tế, cụ thể tại Việt Nam, Chính phủ chưa có các quy định pháp lý cụ thể và chi tiết về điều này.

5. Kết luận

Bài viết tập trung nghiên cứu sự ảnh hưởng của quản trị công ty được đặc trưng bởi các đặc tính của hội đồng quản trị đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả cho thấy số lượng thành viên độc lập và số lượng thành viên kiêm nhiệm vai trò điều hành trong hội đồng quản trị có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính. Theo đó, số lượng thành viên độc lập trong hội đồng quản trị càng nhiều thì chất lượng báo cáo tài chính càng tốt; và số lượng thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý trong hội đồng quản trị càng nhiều thì chất lượng báo cáo tài chính sẽ thấp đi. Ngoài ra, quy mô của hội đồng quản trị không có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính khi kết quả nghiên cứu thể hiện không có ý nghĩa thống kê.

Từ nghiên cứu trên, Chính phủ cần đưa ra các quy định pháp lý liên quan đến việc tổ chức cơ cấu thành viên của hội đồng quản trị, đặc biệt là quy định cụ thể về số lượng thành viên điều hành và số lượng thành viên không điều hành (độc lập). Cụ thể, số lượng thành viên độc lập cần nhiều hơn số lượng thành viên không điều hành để đảm bảo vai trò giám sát và tính độc lập trong việc thiết lập các quy chế kiểm soát nội bộ nói chung, quy trình lập và trình bày báo cáo tài chính nói riêng. Điều 150 của Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định số thành viên của Hội đồng quản trị phải nhiều hơn ba và ít hơn mười một người nếu điều lệ công ty không có quy định khác. Theo kết quả nghiên cứu thì quy mô hội đồng quản trị và quy mô doanh nghiệp không có ý nghĩa thống kê trong mối quan hệ với chất lượng báo cáo tài chính, do đó số lượng thành viên hội đồng quản trị có thể được tổ chức linh hoạt tùy theo nhu cầu và đặc điểm của từng doanh nghiệp. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng chưa chỉ ra được mối liên hệ giữa số lượng thành viên Hội đồng quản trị và quy mô của doanh nghiệp. Bên cạnh một số kết quả, nghiên cứu cũng còn một số hạn chế như cần mở rộng dữ liệu nghiên cứu tiếp tục trong các năm 2019, 2020 để xem xét sự ảnh hưởng của chất lượng báo cáo tài chính trước, trong và sau đại dịch COVID-19. Vì vậy, định hướng nghiên cứu trong tương lai đối với nội dung này sẽ xem xét mối quan hệ giữa quản trị công ty và chất lượng báo cáo tài chính trước, trong và sau giai đoạn đại dịch COVID-19.

Tài liệu tham khảo:

- Albawwat, H.A. (2022), 'The influence of audit committee characteristics on voluntary disclosure of annual financial reports in Jordan', *Universal Journal of Accounting and Finance*, 10(1), 161-170.
- Alhadab, M. & Clacher, I. (2018), 'The impact of audit quality on real and accrual earnings management around IPOs', *Accounting Review*, 50(4), 442-461.
- Alves, S. (2014), 'The effect of board independence on the earnings quality: evidence from Portuguese listed companies', *Accounting Business and Finance*, 8(3), 23-44.
- Baatwah, S.R., Salleh, Z. & Ahmad, N. (2015), 'CEO characteristics and audit report timeliness: do CEO tenure and financial expertise matter?', *Managerial Auditing Journal*, 30(8/9), 34-49.
- Baatwah, S.R., Salleh, Z. & Aljaaidi, K.S. (2021), 'Culture and financial reporting quality in GCC countries: what do we know about tribal culture?', *International Journal of Emerging Markets*, from <<https://doi.org/10.1108/IJOEM-04-2020-0439>>.
- Barako, D.G., Handcook, P. & Izan, I. (2006), 'Relationship between corporate governance attributes and voluntary disclosures in annual reports: the Kenyan experience', *Financial Reporting, Regulation and Governance*, 5(1), 1-26.

-
- Boone, A.L., Field, L.C., Karpoff, J.M. & Raheja, C.G. (2007), 'The determinants of corporate board size and composition: an empirical analysis', *Journal of Finance and Economics*, 85(1), 66-101.
- Bùi Văn Dương & Ngô Hoàng Điệp (2017), 'Đặc điểm hội đồng quản trị và hành vi quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam', *Tạp chí Khoa học*, 12(2), 113-126.
- Cheng, Q., Lee, J. & Shevlin, T. (2016), 'Internal governance and real earnings management', *Accounting Review*, 91(4), 1051-1085.
- Cohen, D.A. & Zarowin, P. (2010), 'Accrual-based and real earnings management activities around seasoned equity offerings', *Journal of Accounting and Economics*, 50(1), 2-19.
- COSO (2013), *Executive's Guide to COSO Internal Controls: Understanding and Implementing the New Framework*, John Wiley & Sons Inc.
- Ding, W., Levine, R., Lin, C. & Xie, W. (2021), 'Corporate immunity to the COVID-19 pandemic', *Journal of Finance and Economic*, 141(2), 802-830.
- Duru, A., Iyengar, R.J. & Zampelli, E.M. (2016), 'The dynamic relationship between CEO duality and firm performance: the moderating role of board independence', *Journal of Business Responsibility*, 69(10), 4269-4277.
- Elsayed, K. (2007), 'Does CEO duality really affect corporate performance?', *Corporate Governance And International Review*, 15(6), 1203-1214.
- Eng, L.L., Fang, H., Tian, X., Yu., T. & Zhang, T.R. (2019), 'Financial crisis and real earnings management in family firms: a comparison between China and the United States', *Journal of International Finance*, 59, 184-201.
- Erkens, H.D., Hung, M. & Matos, P. (2012), 'Corporate governance in the 2007 – 2008 financial crisis: Evidence from financial institutions worldwide', *Journal of Corporate Finance*, 18(2), 389-411.
- Guest, P.M. (2009), 'The impact of board size on firm performance: evidence from the UK', *European Journal of Finance*, 15(4), 385-404.
- Handayati, P., Tham, Y.H., Yuningsih, Y. & Rochayatun, S. (2020), 'Audit quality, corporate governance, firm characteristics and CSR disclosures Evidence from Indonesia', *Journal of Corporate Accounting and Finance*, 3, 65-78.
- Hasudungan, A. & Bhinekawati, R. (2022), 'The effect of CSR disclosure on asymmetric information and ROI of publicly listed companies in SRI-Kehati index in Indonesia', *International Journal of Business in Society*, 22(7), 1587-1604.
- Hsu, Y.L. & Liao, L.K. (2021), 'Corporate, governance and stock performance: the case of COVID-19 crisis', *Journal of Accounting Public Policy*, 41(4), 106-127.
- Ika, S.R., Nugroho, J.P., Achmad, N. & Widagdo, A.K. (2021), 'The impact of corporate governance on environmental reporting: Evidence from the Indonesian manufacturing industry', *Management and Accounting Review*, 20, 39-60.
- Jebran, K. & Chen, S. (2021), 'Can we learn lessons from the past? COVID-19 crisis and corporate governance responses', *International Journal of Financial Economics*, 28(1), 1-9.
- Kamal, Y. (2021), 'Social responsibility – related governance disclosure: exploration of managerial perspective in a developing country', *Pacific Accounting Review*, 33, 435-458.
- Katmon, N. & Al Farooque, O. (2017), 'Exploring the impact of internal corporate governance on the relation between disclosure quality and earnings management in the UK listed companies', *Journal of Business Ethics*, 142(2), 345-367.
- Khatib, A.F.S. & Nour, I.A. (2021), 'The impact of corporate governance on firm performance during the COVID-19 pandemic: Evidence from Malaysia', *Journal of Asian Finance Economics and Business*, 8(2), 0943-0952.
- Latif, R.A., Mohd, K.N.T. & Kamardin, H. (2022), 'Risk disclosure, corporate governance and firm value in an emerging country', *Asian Economic and Financial Review*, 12, 420-437.
- Lemos, K., Monteiro, S., Pereira, L. & Ribeiro, V. (2021), 'The impact of board of director's characteristics on mandatory non-financial reporting compliance: A study of listed companies in Portugal', *Proceedings of the 17th*

- Lê Văn Thứ & Trần Ái Kết (2022), 'Mối quan hệ phụ thuộc giữa thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán Mỹ: Tiếp cận bằng mô hình COPULA-GJR-GARCH', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 296, 10-22.
- Lu, J. & Boateng, A. (2018), 'Board composition, monitoring and credit risk: evidence from the UK banking industry', *Review Quantitative Financial Accounting*, 51(4), 1107-1128.
- Nguyễn Thị Cẩm Vân (2022), 'Toàn cầu hóa tài chính, toàn cầu hóa thương mại và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 297, 2-12.
- Nguyễn Thị Ngọc Trang & Bùi Kim Phương (2018), 'Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng lợi nhuận của các công ty niêm yết tại Việt Nam', *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh Châu Á*, 7, 05-20.
- Phạm Quốc Thuần (2019), 'Thực trạng chất lượng thông tin báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp tại Việt Nam', *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Kinh tế-Luật và Quản lý*, 3(3), p. 327.
- Soobaroyen, T., Ramdhony, D., Rashid, A. & Gow, J. (2019), 'The evolution and determinants of corporate social responsibility (CSR) disclosure in a developing country: Extent and quality', *Journal of Accounting in Emerging Economies*, DOI <https://doi.org/10.1108/JAEE-02-2020-003>.
- Yeh, Y.M.C., Chen, H.W. & Wu, M.C. (2014), 'Can information transparency improve earnings quality attributes? Evidence from an enhanced disclosure regime in Taiwan', *Journal of Emerging Market and Finance*, 50(4), 237-253.